

Số: 02/2024/QĐST-DS

Phong Thổ, ngày 18 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS, ngày 18/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ trụ sở: Số B, L, phường T, quận B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn V: Bà Vũ Thị L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh N, chi nhánh huyện P (A Chi nhánh huyện P), địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Trương Văn Q, sinh năm 1989 và chị Vũ Thị T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về số tiền nợ phải trả: Anh Trương Văn Q và chị Vũ Thị T còn nợ ngân hàng A Chi nhánh huyện P số tiền: 237.534.172 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng), theo hợp đồng

tín dụng số: 7802-LAV-202000507 , ngày 04/8/2020, trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 10/6/2024: 37.534.172 đồng (Gồm: Lãi trong hạn 27.156.164 đồng; Lãi quá hạn 10.378.012 đồng).

- Thời gian trả nợ: Anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** phải trả cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất là ngày 30/6/2024, số tiền này được tính vào tiền nợ gốc. Từ tháng 07 năm 2024, anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** tiếp tục có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** mỗi tháng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết, thời điểm thực hiện là từ ngày đầu tháng cho đến ngày cuối cùng của tháng.

- Hình thức thực hiện: Anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** trả tiền cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** bằng hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt.

*(Kể từ ngày 11/6/2024, anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí đối với số tiền gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất, phí quy định do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7802-LAV-202000507, ngày 04/8/2020, cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).*

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ theo nội dung đã thỏa thuận thì **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 46/HĐTC/2019, ngày 16/7/2019, đối với thửa đất tại bản Hợp 2, **xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CX 329452, số vào sổ cấp GCN: CH 04257, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Lai Châu cấp ngày 11/8/2021, cấp cho anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T**, để đảm bảo thanh toán cho khoản vay nêu trên.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** thì anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Về án phí: Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là: 5.938.354 đồng (Năm triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng).

Nguyên đơn là **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.969.177 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng). Khấu trừ với số tiền 5.462.300 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số: 0000366, ngày 18/12/2023, tại Chi cục



thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, nguyên đơn được nhận lại số tiền: 2.493.123 đồng (Hai triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi ba đồng).

Bị đơn là anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.969.177 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng).

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm nghìn đồng). **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh **Tường Văn Q** và chị **Vũ Thị T** phải trả cho **Ngân hàng A Chi nhánh huyện P** số tiền này là: 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các ĐS;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Hạnh**